**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LOGISTICS**

**3.1. 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa (***tính bằng tín chỉ*)

**-**  150 Tín chỉ *(không bao gồm khối kiến thức GDTC và GDQP-AN)*

**3.1.6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên** | **Số tín chỉ** |
| **Tổng** | **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| **Kiến thức giáo dục đại cương** | **55** | **51** | **4** |
| Lý luận chính trị và Pháp luật đại cương | 12 | 12 |  |
| Khoa học XH&NV | 13 | 9 | 4 |
| Anh văn | 9 | 9 |  |
| Tin học | 6 | 6 |  |
| Toán và KHTN | 15 | 15 |  |
| **Khối kiến thức chuyên nghiệp** | **95** | **85** | **10** |
| Cơ sở nhóm ngành và ngành | 34 | 28 | 6 |
| Chuyên ngành | 47 | 43 | 4 |
| Thực tập xưởng |  |  |  |
| Thực tập tốt nghiệp | 4 | 4 |  |
| Khóa luận tốt nghiệp | 10 | 10 |  |
| **Khối kiến thức sư phạm** (nếu có) |  |  |  |
| Lý thuyết |  |  |  |
| Thực tập sư phạm |  |  |  |

**3.1.7. Nội dung chương trình**

**A – PHẦN BẮT BUỘC**

**3.1.7.1 Kiến thức giáo dục đại cương**

**3.1.7.1.1 L‎ý luận chính trị + pháp luật đại cương và Khoa học XH & NV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | LLCT150105 | Các nguyên lý cơ bản của CN Mác–Lênin | 5 | *BB Bộ* |
| 2 | LLCT120314 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 2 | *BB Bộ* |
| 3 | LLCT230214 | Đường lối CM của ĐCS Việt Nam | 3 | *BB Bộ* |
| 4 | LOGI130309 | Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | 3 (2+1) | *BB Trường* |
| 5 |  GELA220405 | Pháp luật đại cương | 2 | *BB Bộ* |
| 6 | PSBU220408 | Tâm lý học kinh doanh | 2 | *BB Khoa* |
| 7 | BCOM321906 | Giao tiếp trong kinh doanh  | 2 | *BB Khoa* |
| 8 | SCRE220306 | Phương pháp NCKH kinh tế | 2 | *BB khoa* |
| **Tổng cộng** | **21** |  |

**3.1.7.1.2 Ngoại ngữ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | ENGL130137 | Anh văn 1 | 3 | *BB trường* |
| 2 | ENGL230237 | Anh văn 2 | 3 | *BB trường* |
| 3 | ENGL330337 | Anh văn 3 | 3 | *BB trường* |
| **Tổng cộng** | **9** |  |

**3.1.7.1.3 Toán – Tin học – Khoa học Tự nhiên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | MATH130801 | Toán kinh tế 1 | 3 | *BB Trường* |
| 2 | MATH130901 | Toán kinh tế 2 | 3 | *BB Trường* |
| 3 | DBSY230184 | Hệ cơ sở dữ liệu | 3 (2+1) | *Khoa chọn* |
| 4 | APCM230307 | Tin học ứng dụng | 3 (2+1) | *Khoa chọn* |
| 5 | STAT231006 | Phương pháp định lượng và thống kê | 3 |  |
| 6 | EMET230606 | Kinh tế lượng | 3 | *Khoa chọn* |
| 7 | MAOP230706 | Tối ưu hóa | 3 | *Khoa chọn* |
| **Tổng cộng** | **21** |  |

***3.1.7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp***

**3.7.1.2.1 Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | MAIS430306 | Hệ thống thông tin quản lý (MIS) | 3 |  |
| 2 | CIMS330709 | Hệ thống CIM | 3(2+1) |  |
| 3 | ERPS431208 | Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) | 3 (2+1) |  |
| 4 | FECO240206 | Kinh tế học đại cương | 4 |  |
| 5 | PRAC230407 | Nguyên lý kế toán | 3 |  |
| 6 | TLAW332209 | Pháp luật về Logistics | 3 |  |
| 7 | FUMA230806 | Quản trị học căn bản  | 3 |  |
| **Cộng** | **22** |  |

**3.1.7.2.2 Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | CAIN320209 | Bảo hiểm hàng hóa | 2 |  |
| 2 | BAMA231206 | Marketing Căn bản | 3 |  |
| 3 | LOMA332509 | Quản trị Logistics | 3 |  |
| 4 | LOPA431409 | Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói | 3 |  |
| 5 | HRMA331206 | Quản trị nguồn nhân lực | 3 |  |
| 6 | TMAN431509 | Quản trị Vận tải | 3 |  |
| 7 | PROC330109 | Mua hàng | 3 |  |
| 8 | DEMA431609 | Quản trị kho bãi | 3 |  |
| 9 | INBU230508 | Kinh doanh quốc tế | 3 |  |
| 10 | FIMA430807 | Quản trị tài chính | 3 |  |
| 11 | SCMA440706 | Quản trị chuỗi cung ứng | 4 |  |
| 12 | CUST432009 | Đại lý giao nhận và khai báo Hải quan | 3 |  |
| 13 | FTRO432109 | Nghiệp vụ ngoại thương | 3 |  |
| 14 | OPMA431909 | Quản trị vận hành | 3 |  |
| 15 | SERM332009 | Marketing dịch vụ | 3 |  |
| 16 | PRAT431809 | Chuyên đề thực hành | 2 |  |
|  |  | **Cộng** | **47** |  |

**3.1.7.2.3 Kiến thức chuyên ngành (các học phần thực hành xưởng, thực tập công nghiệp)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | INTE441109 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | *BB trường* |
| **Cộng** | **4** |  |

**3.1.7.2.4 Khoá luận tốt nghiệp (*hoặc thi tốt nghiệp)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | LSCM4101409 | Khóa luận tốt nghiệp LSC/Thi TN | 10 |  |
| **Cộng** | **10** |  |

**B – PHẦN TỰ CHỌN:**

**3.1.7.1.b. Kiến thức giáo dục đại cương: (Chọn 2 môn trong các môn: 04 tín chỉ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | ETHE221506 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 2 |  |
| 2 | LSTR322109 | Quản trị chiến lược Logistics | 2 |  |
| 2 | PRSK320705 | Kỹ năng thuyết trình | 2 |  |
| 3 | BCUL320506 | Văn hóa doanh nghiệp | 2 |  |

**3.1.7.2 b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**

**3.1.7.2.1.b Tự chọn những môn thuộc nhóm A:**

**(Chọn 2 trong các môn: 06 Tín chỉ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | PRAN331106 | Lập và phân tích dự án | 3 |  |
| 2 | ECOM431308 | Thương mại điện tử | 3 |  |
| 3 | AMAP432225 | Tự động hóa | 3 |  |
| 4 | EEEN230129 | Kỹ thuật điện – điện tử | 3 |  |

**3.1.7.2.2.b Tự chọn những môn thuộc nhóm B:**

**(Chọn 02 trong các môn: 04 Tín chỉ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
| 1 | CUSM321006 | Quản trị quan hệ khách hàng | 3 |  |
| 2 | BPLA420606 | Kế hoạch kinh doanh | 3 |  |
| 3 | SEMA430807 | Thị trường chứng khoán | 3 |  |
| 4 | QMAN331606 | Quản trị chất lượng | 3 |  |

**3.1.8. Kế hoạch giảng dạy**

**Học kỳ 1:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | MATH130801 | Toán kinh tế 1 | 3 |  |
|  | GELA220405 | Pháp luật đại cương  | 2 |  |
|  | FECO240206 | Kinh tế học đại cương | 4 |  |
|  | LLCT150105 | Những nguyên lý cơ bản CNMLN | 5 |  |
|  | BCOM321906 | Giao tiếp trong kinh doanh | 2 |  |
|  | LOGI130309 | Nhập môn ngành Logistics | 3 (2+1) |  |
| **Tổng** | **19** |  |

**Học kỳ 2:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | MATH130901 | Toán kinh tế 2 | 3 |  |
|  | ENGL130137 | Anh văn 1 | 3 |  |
|  | MAOP230706 | Tối ưu hóa | 3 |  |
|  | LLCT120314 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | 2 |  |
|  | DBSY230184 | Hệ cơ sở dữ liệu | 3 |  |
|  | FUMA230806 | Quản trị học căn bản  | 3 |  |
|  | PHED110513 | Giáo dục thể chất 1 |  |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức giáo dục đại cương** | **2** |  |
| **Tổng** | **19** |  |

**Học kỳ 3:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | LLCT230214 | Đường lối cách mạng ĐCSVN | 3 |  |
|  | EMET230606 | Kinh tế lượng | 3 |  |
|  | ENGL230237 | Anh văn 2 | 3 |  |
|  | APCM230307 | Tin học ứng dụng | 3 (2+1) |  |
|  | TLAW332209 | Pháp luật về logistics | 3 |  |
|  | SPBU220408 | Tâm lý học kinh doanh | 2 |  |
|  | PHED110613 | Giáo dục thể chất 2 |  |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn kiến thức giáo dục đại cương** | **2** |  |
| **Tổng** | **19** |  |

**Học kỳ 4:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | PRAC230407 | Nguyên lý kế toán | 3 |  |
|  | HRMA331206 | Quản trị nguồn nhân lực | 3 |  |
|  | MAIS430306 | Hệ thống thông tin quản lý | 3 |  |
|  | STAT231006 | Phương pháp định lượng và thống kê | 3 |  |
|  | ENGL330337 | Anh văn 3 | 3 |  |
|  | SCRE220306 | Phương pháp NCKH kinh tế | 2 |  |
|  | PHED130715 | Giáo dục thể chất 3 |  |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn A** | **3** |  |
| **Tổng** | **20** |  |

**Học kỳ 5:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | PROC330109 | Mua hàng  | 3 |  |
|  | INBU230508 | Kinh doanh quốc tế | 3 |  |
|  | CAIN320209 | Bảo hiểm hàng hóa | 2 |  |
|  | BAMA231206 | Marketing Căn bản | 3 |  |
|  | LOMA332509 | Quản trị Logistics | 3 |  |
|  | CIMS330709 | Hệ thống CIM | 3(2+1) |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn A** | 3 |  |
| **Tổng** | **20** |  |

**Học kỳ 6:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | LOPA431409 | Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói | 3 |  |
|  | TMAN431509 | Quản trị Vận tải  | 3 |  |
|  | CUST432008 | Đại lý giao nhận và khai báo Hải quan | 3 |  |
|  | FIMA430807 | Quản trị tài chính | 3 |  |
|  | FTRO432108 | Nghiệp vụ ngoại thương | 3 |  |
|  | PRAT431809 | Chuyên đề thực hành | 2 |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn B** | 3 |  |
| **Tổng** | **20** |  |

**Học kỳ 7:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | OPMA431909 | Quản trị vận hành  | 3 |  |
|  | ERPS431208 | Quản trị tổng thể doanh nghiệp (ERP) | 3 (2+1) |  |
|  | SCMA440709 | Quản trị chuỗi cung ứng | 4 |  |
|  | DEMA431609 | Quản trị kho bãi | 3 |  |
|  | SERM332009 | Marketing dịch vụ | 3 |  |
|  |  | **Chọn 1 môn trong nhóm tự chọn B** | 3 |  |
| **Tổng** | **19** |  |

**Học kỳ 8:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP tiên quyết (nếu có)** |
|  | INTE441109 | Thực tập tốt nghiệp  | 4 |  |
|  | LSCM4101409 | Khóa luận TN LSC/Thi TN | 10 |  |
| **Tổng** | **14** |  |

**3.1.9 Mô tả vắn tắt nội dung và khối l­ượng các học phần**

**3.1.9.1 Các nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin Số TC:05**

**3.1.9.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh Số TC:02**

**3.1.9.3 Đường lối CM của ĐCS Việt Nam Số TC:03**

**3.1.9.4 Anh văn 1 Số TC:03**

**3.1.9.5 Anh văn 2 Số TC:03**

**3.1.9.6 Anh văn 3 Số TC:03**

**3.1.9.7 Pháp luật đại cương Số TC:02**

*- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*

*- Điều kiện tiên quyết:*

*- Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

**3.1.9.8 Toán kinh tế 1 Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ Rn, dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

**3.1.9.9 Toán kinh tế 2 Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp C1*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

**3.1.9.10 Tin học ứng dụng Số TC:03**

*- Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*

*- Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về các phần mềm tin học ứng dụng trong lĩnh vực dịch vụ logistics cũng như trong hoạt động kinh doanh nói chung. Sinh viên được thực hành thao tác trên các phần mềm trong máy tính nhằm hỗ trợ cho công việc ở nhiều bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên có thể ứng dụng tin học vào công việc giúp cho việc thực hiện công việc nhanh chóng và hiệu quả hơn.

**3.1.9.11 Mua hàng Số TC:03**

**3.1.9.12 Nhập môn ngành Logistics Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

**3.1.9.13 Phương pháp NCKH kinh tế Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (1, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức thực hiện một nghiên cứu khoa học từ khâu lên kế hoạch, viết đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết đến khâu hoàn thành báo cáo nghiên cứu.

**3.1.9.14 Kinh tế lượng Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hóa một mô hình kinh tế. Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế. Những kỹ thuật này sẽ được minh họa cụ thể nhờ phần mềm thống kê EViews 5.0. Phần mềm này sẽ được minh họa với các ví dụ lồng vào các buổi học hàng tuần.

**3.1.9.15 Tối ưu hóa Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Toán C1, C2*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

**3.1.9.16 Hệ cơ sở dữ liệu Số TC: 03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Không

*- Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu. Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về mô hình dữ liệu quan hệ: quan hệ, phụ thuộc hàm, các ràng buộc trên quan hệ, siêu khóa, khóa chính, khóa dự tuyển, khóa ngoại, ngôn ngữ đại số quan hệ, ngôn ngữ SQL, các dạng chuẩn và tính chất tương ứng.

**3.1.9.17 Bảo hiểm hàng hóa Số TC: 02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết: không*

*- Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các loại phương thức vận tải trong kinh doanh xuất nhập khẩu cũng như đặc điểm của từng loại phương thức vận tải tương ứng với từng loại hàng hóa khác nhau. Kiến thức về bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu cũng được trình bày gắn liền với các phương thức vận tải nhằm giúp người học có sự kết nối về vai trò của bảo hiểm trong vận chuyển hàng hóa trong thương mại quốc tế.

**3.1.9.18 Kinh tế học đại cương Số TC: 04**

* *Phân bố thời gian học tập: 4 (4, 0, 8)*
* *Điều kiện tiên quyết: không*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Kinh tế học đại cương cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lyù của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.

**3.1.9.19 Nguyên lý kế toán Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học đại cương*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, …).

**3.1.9.20 Pháp luật về logistics Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết: pháp luật đại cương*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Pháp luật về logistics từng bước cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật về logistics trong lĩnh vực dịch vụ logistics và vận tải trong thương mại quốc tế. Môn học này cũng sẽ giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Với chủ đích tạo một môi trường học tập từ những gì đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Pháp luật về logistics với một tập hợp các tình huống có thật sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật vận tải logistics nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về uỷ quyền- tác nghiệp; học thuyết về tự do khế ước; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về lẽ công bằng…

**3.1.9.21 Quản trị học căn bản Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết: không*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Việc quản lý có hiệu quả công việc của nhân viên trong các tổ chức là vấn đề chính yếu của xã hội công nghiệp hóa vì chính những người quản lý là những người phải đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn nhân lực, vật liệu, công nghệ, và vốn. Môn học này sẽ khắc hoạ hình ảnh thực tế về những công việc mà người quản lý cần làm. Hơn nữa, môn học cũng sẽ giúp chỉ ra những kỹ năng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng đã đề ra bằng cách cung cấp những kiến thức cơ bản về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.

**3.1.9.22 Phương pháp định lượng và thống kê Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(2,1,6)*
* *Điều kiện tiên quyết: Kinh tế lượng, Phương pháp nghiên cứu khoa học*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm giới thiệu thống kê học ứng dụng trong kinh doanh thông qua các bài tập, đề án lấy từ thực tế kinh doanh để sao cho sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ biết áp dụng vào thực tế. Ngoài phần thống kê mô tả, trong đó sinh viên sẽ làm quen với các phương pháp thu thập, sắp xếp, trình bày dữ liệu v.v, còn có một phần thống kê suy đoán để giúp cho sinh viên biết dùng các công cụ thống kê để ra quyết định mang tính định lượng trong kinh doanh như trắc nghiệm giả thiết, hồi quy tuyến tính, … Để học tốt môn này, sinh viên cần có những hiểu biết cơ bản về EXCEL và tinh thần làm việc theo nhóm.

**3.1.9.23 Quản trị logistics Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết: không*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị logistics là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về logistics và công tác hoạch định quản trị dịch vụ logistics tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics, doanh nghiệp vận tải đa phương thức. Do đặc thù ngành dịch vụ này gắn liền với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa nên công tác quản trị đòi hỏi phải có tầm nhìn bao quát và kết nối giữa các nhân tố với nhau nhằm mang lại hiệu quả cao nhất và mang lại chuỗi giá trị tốt nhất cho khách hàng.

**3.1.9.24 Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết: không*
* *Tóm tắt nội dung học phần:*

**3.1.9.25 Anh văn thương mại Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Anh văn 1, 2, 3
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học củng cố và phát triển kiến thức ngữ pháp, cấu trúc và từ vựng với trọng tâm là xây dựng cấu trúc câu và đoạn văn sử dụng trong giao tiếp kinh doanh và viết thư tín thương mại. Ngoài ra, môn học còn cung cấp từ vựng và những khái niệm được sử dụng trong các sách, báo, tạp chí và các tài liệu chuyên ngành thương mại. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu trong môi trường thương mại. Môn học đặc biệt chú trọng đến kỹ năng diễn đạt ý kiến, suy nghĩ, ý tưởng trong môi trường kinh doanh.

**3.1.9.26 Quản trị vận tải Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết: không*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học quản trị vận tải đa phương thức cung cấp các kiến thức cơ sở để giúp sinh viên nắm được cơ sở lý luận, tổ chức thực hiện & khai thác VTĐPT. Cấu trúc thị trường & quy định pháp lý liên quan đến tổ chức & kinh doanh VTĐPT . Mối tương quan giữa logistics – chuỗi cung ứng – vùng hậu phương – Hub & Spoke – trung tâm phân phối (DC) - mạng lưới VTĐPT. Nguyên tắc quản trị vận tải ĐPT, KPIs và scorecarding, Benchmarking, EDI

**3.1.9.27 Quản trị nguồn nhân lực Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*  Quản trị học
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.

**3.1.9.28 Quản trị chất lượng Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

**3.1.9.29 Hệ thống thông tin quản lý (MIS) Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Nhập môn quản trị học, Tin học căn bản
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các lọai hệ thống thông tin, từ đó có thể đưa ra những chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới.

**3.1.9.30 Quản trị chiến lược Logistics Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản, Marketing căn bản, Quản trị tài chính
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chiến lược logistics xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ logistics, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**3.1.9.31 Lập và phân tích dự án Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Phương pháp định lượng và thống kê, Nhập môn quản trị học
* *Tóm tắt nội dung học phần:* môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án như phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý dự án.

**3.1.9.32 Kế hoạch kinh doanh Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết: không*

 *- Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rũi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp SV nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

**3.1.9.33 Quản trị chuỗi cung ứng Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 2(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Marketing căn bản.
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

**3.1.9.34 Quản trị tài chính Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý kế toán
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.

**3.1.9.35 Quản trị kho bãi Số TC: 02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về quản trị kho hàng & tồn khovề: Phân loại kho hàng, Phân tích & lựa chọn vị trí kho hàng, lựa chọn mô hình phù hợp, Thiết kế & sắp xếp trong kho hàng, xác định nhu cầu tồn kho, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, tồn kho theo nguyên lý JIT**,** cung cấp các kiến thức nền tảng về quản trị tồn kho.

**3.1.9.36 Đại lý giao nhận và khai báo hải quan Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng liên quan đến công tác đại lý tàu biển, giao nhận vận tải quốc tế và khai báo hải quan, đặc biệt là hàng hoá ngoại thương vận chuyển bằng đường biển và đường hàng không.

**3.1.9.37 Kinh doanh quốc tế Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập:2(2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về: Toàn cầu hóa, Khái quát về hoạt động kinh doanh quốc tế và công ty đa quốc gia, Những khác biệt trong môi trường kinh doanh quốc tế, Chiến lược kinh doanh quốc tế.

**3.1.9.38 Thương mại điện tử Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về công nghệ Internet, tình hình phát triển Thương mại điện tử tại Việt Nam, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing và thanh toán trực tuyến. Học xong môn học, sinh viên có thể đánh giá, tổ chức và tiến hành các hoạt động kinh doanh qua mạng Internet.

**3.1.9.39 Thị trường chứng khoán Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về chứng khoán và thị trường chứng khoán – một trong những kênh huy động vốn quan trọng nhất trong bất kỳ nền kinh tế nào của thế giới. Sinh viên được trình bày những lý thuyết căn bản của chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm những khái niệm về cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên vai trò và chức năng của các nhân tố tham gia thị trường chứng khoán như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các công ty chứng khoán.

**3.1.9.40 Quản trị quan hệ khách hàng Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về quan hệ khách hàng. Những lợi ích khi doanh nghiệp tạo dựng được mối quan hệ khách hàng. Những cách thức, những công cụ để tạo quan hệ cũng như những biện pháp duy trì sự gắn bó dài lâu của khách hàng với doanh nghiệp. Từ đó nâng cao hiệu quả của hoạt động Marketing.

**3.1.9.41 Quản trị nguồn nhân lực Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học căn bản
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.

**3.1.9.42 Giao tiếp trong kinh doanh Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)*
* *Điều kiện tiên quyết:*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hầu ứng xử một cách hữu hiệu với các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết các học thuyết lẫn thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhằm giúp khả năng tự tin khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Từ đó xác định ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị hòa nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động.

**3.1.9.43 Nghiệp vụ ngoại thương Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)*
* *Điều kiện tiên quyết: không*
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ ngoại thương. Các kiến thức cơ bản như các điều kiện thương mại quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu, các vấn đề cơ bản trong hợp đồng ngoại thương, cách thức đàm phán hợp đồng, cách thức tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương cũng như cách thức giải quyết các tình huống phát sinh liên quan đến hoạt động ngoại thương cũng được nghiên cứu. Ngoài ra, sinh viên cũng được thực hành lập bộ chứng từ thanh toán quốc tế liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

**3.1.9.44 Lịch sử các học thuyết kinh tế Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Không
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm giới thiệu cho sinh viên những tư tưởng, quan điểm, học thuyết kinh tế cơ bản của các trường phái, các đại biểu tiêu biểu trên thế giới qua các thời đại; quá trình phát sinh, đấu tranh thay thế lẫn nhau giữa các học thuyết và ý nghĩa của từng học thuyết kinh tế.

**3.1.9.45 Tâm lý học kinh doanh Số TC:02**

* *Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Anh văn đại cương 1, 2, 3; Anh văn thương mại
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,..

**3.1.9.46 Quản lý tổng thể doanh nghiệp (ERP)** **Số TC:03**

* *Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)*
* *Điều kiện tiên quyết:* không

*- Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này sinh viên có khái niệm cơ bản và chức năng của ERP từ đó ứng dụng ERP trong thực tiễn như từ việc theo dõi đơn hàng đơn giản, quản trị hàng tồn kho, sản xuất, chuỗi cung ứng cho đến quản trị tài chính (cả kế toán và thuế) và quản trị nhân sự.

**3.1.9.47 Kỹ thật xếp dỡ và đóng gói Số TC:03**

**3.1.9.48 Chuyên đề thực hành Số TC:02**

**3.1.9.49 Thực tập tốt nghiệp Số TC:04**

* *Phân bố thời gian học tập: 4 (0, 4, 8)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 4
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng k‎ý đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

**3.1.9.50 Khóa luận tốt nghiệp/ Thi TN Số TC:10**

* *Phân bố thời gian học tập: 10(10, 0, 20)*
* *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 4
* *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình.

**3.1.10. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Giờ quy định tính như sau:

 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp

 = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành

 = 45 giờ tự học

 = 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.

 = 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của học phần là bội số của 15.

* Thi tốt nghiệp: được tổ hợp từ kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và môn chính trị.
* Khóa luận tốt nghiệp: dạng đề tài nghiên cứu ứng dụng để giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể mang tính thực tế liên quan đến ngành học.
* Trình tự triển khai giảng dạy các học phần phải đảm bảo tính lôgic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, các cơ sở đào tạo cần quy định các học phần tiên quyết của học phần kế tiếp trong chương trình đào tạo.
* Về nội dung: nội dung trong đề cương là nội dung cốt lõi của học phần. Tuỳ theo từng chuyên ngành cụ thể có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một học phần nào đó.
* Về số tiết học của học phần: ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp theo kế hoạch giảng dạy cho các học phần, cơ sở đào tạo cần quy định thêm số tiết tự học để sinh viên củng cố kiến thức đã học của học phần.
* Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập của các học phần do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thưc lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu.

 Tất cả các học phần đều phải có giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn,... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tuỳ theo điều kiện thực tế của trường, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ: giảng viên thuyết trình tại lớp, giảng viên hướng dẫn thảo luận giải quyết vấn đề tại lớp, thảo luận và làm việc theo nhóm.